TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HS-ST
Ngày 26 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hường.
- *Các Hội thẩm nhân dân* : Bà Lò Thị Le và ông Nguyễn Bá Sửu
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Hà Văn Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/TLST-HS ngày 07/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 68/2019/QĐXXST-HS ngày 11/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn Q, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1973 tại huyện S, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT: Bản M, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 0/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn C, sinh năm 1943 và con bà: Cầm Thị Le, sinh năm 1944. Họ tên vợ: Cầm Thị T, sinh năm 1975 và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 1999. Hiện bố, mẹ, vợ, con bị cáo cùng trú tại: Bản M, xã C, huyện S, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ , tạm giam từ ngày 03/9/2019 đến ngày 23/9/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn H, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1980 tại huyện Y, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT: Bản N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 07/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn N (đã chết) và con bà: Hoàng Thị H, sinh năm 1955. Họ tên vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1982 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2005, Hiện mẹ, vợ, con bị cáo cùng trú tại: Bản N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ , tạm giam từ ngày 03/9/2019 đến ngày 23/9/2019, được áp

dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 24/9/2019 cho đến nay . Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn T, sinh ngày 19 tháng 11 năm 1978 tại huyện Y, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT : Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 02/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Hoàng Văn T1, sinh năm 1952 và con bà: Lò Thị X, sinh năm 1954. Họ tên vợ: Hoàng Thị N, sinh năm 1986 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2004. Hiện bố, mẹ, vợ con bị cáo cùng trú tại: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2019 đến ngày 23/9/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lò Trung N, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1991 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT: Bản N, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn T (đã chết), con bà: Tòng Thị H, sinh năm 1974, trú tại: Bản N, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Họ tên vợ: Lò Thị L, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017. Hiện vợ con bị cáo trú tại: Bản O, xã B, huyện M, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2019 đến ngày 23/9/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Quàng Văn B, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1994 tại huyện T, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT: Bản H, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Quàng Văn T, sinh năm 1960, con bà: Lò Thị L, sinh năm 1961. Họ tên vợ: Lò Thị H, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2019. Hiện bố, mẹ, vợ con bị cáo trú tại : Bản H, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ , tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 23/9/2019, được áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 24/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Lò Văn T, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1983 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký HKTT: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá (học vấn) lớp: 5/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn B (đã chết), con bà: Lò Thị T, sinh năm 1959. Họ tên vợ: Lò Thị X, sinh năm 1984 và có 02 con; con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2004. Hiện mẹ, vợ con bị cáo trú t ại: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Sơn La. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn H; Hoàng Văn Thích; Quàng Văn B*: Bà Trần Bích Liên – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại nhà Lò Văn H, sinh năm 1980, trú tại: Bản N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La. Tổ công tác Công an huyện Yên Châu bắt quả tang 05 đối tượng gồm: Lò Văn Q, sinh năm 1973, trú tại: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Lò Văn H, sinh năm 1980, trú tại: Bản N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La; Hoàng Văn T, sinh năm 1976, trú tại: Bản T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La; Lò Trung N, sinh năm 1991, trú tại: Bản N, xã H, huyện M, tỉnh Sơn La và một thanh niên chưa rõ tên, tuổi, địa chỉ đang đánh bạc dưới hình thức ba cây được thua thanh toán bằng tiền Việt Nam. Quá trình bắt quả tang lợi dụng sơ hở 01 thanh niên tham gia đánh bạc đã bỏ chạy về phía rừng ma bản Nặm Ún.

Vật chứng thu giữ gồm có:

- Thu trên chiếu bạc:

+ 36 quân bài tú lơ khơ từ quân át (A) đến quân 9.

+ Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 14.250.000đ.

- Thu giữ trên người của Lò Văn Q số tiền: 24.050.000đ

- Thu giữ trên người của Lò Trung N số tiền: 7.000.000đ

- Thu giữ của Lò Văn Q: 01 xe máy BKS: 30F3- 3291, nhãn hiệu Honda wave, màu đen, xe đã qua sử dụng.

Ngày 04/9/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu ra quyết định trưng cầu giám định số 110/TCGĐ đối với Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, giám định số tiền: 14.250.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc 7.000.000 đồng thu giữ trên người của Lò Trung N và 24.050.000 đồng thu giữ trên người của Lò Văn Q vào ngày 03/9/2019 là tiền thật hay tiền giả?.

Tại bản kết luận giám định số 1463 ngày 09/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: 153 tờ tiền Việt nam đồng = 45.300.000 đồng có mệnh giá: 72 tờ mệnh giá 500.000 đồng; 17 tờ mệnh giá 200.000 đồng; 54 tờ mệnh giá 100.000 đồng; 10 tờ mệnh giá 50.000 đồng có số mã hiệu và số seri như trong bảng kê tiền vật chứng do Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu lập ngày 03/9/2019 là tiền thật.

Ngày 08/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu tiến hành cho các bị can Lò Văn Q; Lò Văn H; Lò Trung N; Hoàng Văn T nhận dạng hai đối tượng gồm: 01 thanh niên tham gia đánh bạc bỏ chay khi tổ công tác Công an huyện Yên Châu bắt quả tang và 01 thanh niên theo lời khai của các bị can đã tham gia đánh bạc cùng và nghỉ đánh bạc trước khi tổ công tác bắt quả tang.

Kết quả nhận dạng: Các bị can Lò Văn Q; Lò Văn H; Lò Trung N; Hoàng Văn T đã nhận dạng đúng hình ảnh của người thanh niên bỏ trốn khi tổ công tác bắt quả tang là Quàng Văn B, sinh năm 1994, trú tại: Bản H, xã L, huyện T, tỉnh Sơn La. Thanh niên tham gia đánh bạc và nghỉ trước khi tổ công tác bắt quả tang là Lò Văn T, sinh năm 1983, trú tại: Bản M, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Quá trình điều tra xác định:

Trước khi tham gia đánh bạc Lò Văn Q có 26.500.000 đồng và bỏ ra 6.500.000 đồng để dùng vào việc đánh bạc. Quá trình bắt quả tang, tổ công tác

thu giữ trên người của Quân số tiền 24.050.000 đồng. Như vậy quá trình đánh bạc Quân đã sử dụng 2.450.000 đồng vào việc đánh bạc , quá trình đánh bạc Quân cho Thức vay 500.000 đồng, còn lại 4.050.000 đồng mục đích sử dụng để đánh bạc.

Lò Trung N sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 1.600.000 đồng

Hoàng Văn T sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 3.500.000 đồng

Quàng Văn B sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 2.200.000 đồng

Lò Văn H sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 1.800.000 đồng

Lò Văn T sử dụng vào việc đánh bạc số tiền 1.000.000 đồng

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là 14.250.000 đồng thu trên chiếu bạc và 4.050.000 đồng thu giữ trên người Lò Văn Q. Vậy tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là: 18. 300.000 đồng.

Tại cáo trạng số 60/CT-VKSYC ngày 05 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La truy tố các bị cáo Lò Văn Q; Lò Văn H; Lò Trung N; Hoàng Văn T; Lò Văn T; Quàng Văn B về tội: "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa , trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn H, Lò Trung N, Hoàng Văn T, Lò Văn T và Quàng Văn B về tội: "Đánh bạc".

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn Q mức án phạt từ 16 tháng đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách từ 32 tháng đến 40 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn H mức án phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T mức án phạt từ phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lò Trung N mức án phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Văn B mức án

phạt từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36, Điều 17, Điều 58 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T mức án phạt từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn H, Hoàng Văn T, Lò Trung N, Quàng Văn B, Lò Văn T.

Đề nghị HĐXX tuyên trả tự do cho Lò Văn T sau khi tuyên án, nếu bị cáo không bị giam về tội khác.

Giao các bị cáo Lò Văn H; Hoàng Văn T cho UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Lò Văn Q cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát , giáo dục.

Giao bị cáo Lò Trung N cho UBND xã H, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Quàng Văn B cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a , b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu huỷ:

- 36 quân bài tú lơ khơ có từ quân A đến quân 9.
- 16 quân bài tú lơ khơ từ quân 10 đến quân K.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 18.300.000đ (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Các bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn T, Lò Trung N phải nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án . Các bị cáo Lò Văn H, Hoàng Văn T, Quàng Văn B được miễn nộp tiền án phí STHS.

Người bào chữa cho các bị cáo Lò Văn H; Hoàng Văn T; Quàng Văn B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 xử phạt bị cáo Hoàng Văn Thức được hưởng mức hình phạt tù là từ 6 đến 12 tháng, Quàng văn B được hưởng mức hình phạt là tù 6 đến 12 tháng, cho bị cáo Lò Văn H được hưởng mức hình phạt là 9 đến 18 tháng tù và do các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, lại bị truy tố với tội danh và khung

hình phạt có mức hình phạt cao nhất là 03 năm tù nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, đại diện bị hại và đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 03 tháng 9 năm 2019, tại nhà ở của Lò Văn H thuộc bản N, xã Đ, huyện Y, tỉnh Sơn La, cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu bắt quả tang Lò Văn Q, Lò Văn H, Hoàng Văn T, Lò Văn Nguyên, Quàng Văn B và Lò Văn T đang cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây được thua thanh toán bằng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam, nhằm thu lời bất chính cho bản thân. Tổng số tiền thu giữ của các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 18.300.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây thắng thua bằng tiền nhằm sát phạt lẫn nhau là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, một khách thể mà bộ luật hình sự đã quy định và bảo vệ.

[3] Về nhận thức: Các bị cáo biết hành vi đánh bạc đang là một tệ nạn nguy hiểm, bị gia đình, xã hội lên án, nhà nước ta đang ra sức phòng ngừa. Vì đánh bạc mà nhiều gia đình bị khánh kiệt, nợ nần chồng chất, nó cũng là nguyên nhân gây nên một loạt các tội phạm khác. Các bị cáo đều đã thành niên, có cuộc sống gia đình, công việc ổn định nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện mà lại tham gia đánh bạc kiếm tiền bất chính. Hành vi của các bị cáo bị chính gia đình các bị cáo lên án, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Vì vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án có nhiều người tham gia, tuy chỉ là đồng phạm giản đơn, song có sự tham gia thực hành tích cực lên làm tăng thêm ý chí, sự quyết tâm của các bị cáo trong vụ án. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 BLHS là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Với hành vi của mình, các bị cáo phải chịu một hình phạt tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, để hình phạt đó không chỉ là sự trừng phạt của pháp luật đối với người phạm tội mà còn là bài học răn đe, giáo dục chung trong cộng đồng.

[6] Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên chỉ bị xét xử ở khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Xét về vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Đối với Lò Văn Q: Quân là người khởi xướng, rủ Hoàng Văn T tham gia đánh bạc được thua thanh toán bằng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam. T đồng ý và sử dụng số tiền khoảng 3.500.000 đồng vào việc đánh bạc nên T đồng phạm với Q.

Đối với bị cáo Lò Văn H: Hường là chủ nhà, mặc dù không phải là người khởi xướng, nhưng khi nghe Q rủ Thức chơi ba cây được thua bằng tiền H không có ý kiến gì, bản thân là người trực tiếp tham gia vào việc đánh bạc, Lò Văn T, Lò Trung N, Quàng Văn B, trong quá trình ngồi chơi thấy Q và T đánh bạc (ba cây) nên đã xin tham gia đánh bạc cùng. Lò Văn T sử dụng số tiền vào việc đánh bạc là 1.000.000 đồng; của Lò Trung N là 1.600.000 đồng; Quàng Văn B là 2.200.000 đồng; của Lò Văn H là 1.800.000 đồng. Các bị cáo vừa là người thực hiện hành vi đồng thời là đồng phạm với Lò Văn Q trong vụ án Đánh bạc.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo Q, H, T, N, B, T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Q, H, T, N, B, T phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải. Bị cáo Lò Văn Q có bố đẻ là ông Lò Văn C được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ. Bị cáo Lò Văn H có bà nội là bà Lò Thị X, là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, có ông nội là ông Lò Văn O, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS

Từ những đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy: Việc xử lý các bị cáo Q, H, T, N, B, T bằng biện pháp hình sự là cần thiết và đúng với quy định của pháp luật, cần phải có mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như đã nêu phần trên, các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh, ngoài hành vi đang bị xử lý ra thì các bị cáo không bị xử phạt hay phạm vào hành vi nào khác. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận

đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Q, H, T, N, B, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 36 BLHS đối với Lò Văn T.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 36; khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là không cần thiết mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, giúp các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà ăn năn, hối cải, sửa chữa sai phạm của mình, trở thành người công dân có ích cho xã hội. Cần giao các bị cáo Q, H, T, N, B, T cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo thường trú và gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo theo khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS.

Đối với Lò Văn T. Thanh bị tạm giam từ ngày 27 tháng 9 năm 2019 cho đến ngày xét xử (Ngày 26/11/2019). Tổng cộng thời gian tạm giam là 61 ngày. Do đó khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng cần trừ đi thời giam tạm giam cho bị cáo. Cụ thể 01 ngày tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

[7] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo, bản thân là lao động tự do, công ăn việc làm không ổn định, nguồn thu nhập chính của gia đình là do trồng trọt mà có, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 BLHS đối với các bị cáo. Đối với Lò Văn T không khấu trừ thu nhập.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Từ những phân tích nêu trên. Hội đồng xét xử nghị án, thảo luận sẽ xem xét hình phạt khi lượng hình để có mức án phù hợp với từng bị cáo.

[9] Về vật chứng:

- 01 xe máy BKS 30F3- 329, nhãn hiệu Honda Wave S.
- 36 quân bài tú lơ khơ từ quân át (A) đến quân 9.
- 7.000.000 đồng thu giữ trên người Lò Trung N.
- 24.050.000 đồng thu giữ trên người Lò Văn Q
- 14.250.000 đồng thu trên chiếu bạc,

Trong quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S, BKS 30F3- 3291 thuộc quyền sở hữu của gia đình Q, không liên quan đến việc đánh bạc. Ngày 14/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu đã trả lại chiếc xe máy nêu trên cho Lò Văn Q.

Đối với số tiền 7.000.000 đồng thu giữ trên người của Lò Trung N và 20.000.000 đồng thu giữ trên người của Lò Văn Q. Quá trình điều tra xác định số tiền trên Lò Trung N và Lò Văn Q cất riêng ở túi áo ngực, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Ngày 14/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đã trả lại số tiền trên cho Lò Trung N và Lò Văn Q. Việc trả lại số tài sản nêu trên của cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu diễn ra đều phù hợp với pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần chấp nhận.

Số vật chứng còn lại gồm: 36 quân bài tú lơ khơ từ quân át (A) đến quân 9; 16 quân bài tú lơ khơ từ quân 10 đến K; 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 14.250.000đ; 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 4.050.000 đồng.

Xét thấy 36 quân bài tú lơ khơ từ quân át (A) đến quân 9; 16 quân bài tú lơ khơ từ quân 10 đến K. Đây là số vật chứng các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền đựng trong 01 phong bì được niêm phong bên trong có số tiền 14.250.000đ; 01 phong bì niêm phong bên trong có số tiền 4.050.000 đồng. Tổng cộng là 18.300.000 đồng. Đây là khoản tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với Quàng Văn T: T là người đã chở Quàng Văn B về nhà. T không hứa hẹn trước và không biết từ trước việc B tham gia đánh bạc và bị Công an huyện Yên Châu bắt, nên khi B nhờ Thích chở về nhà T đã đồng ý. Mặt khác, quá trình điều tra T đã cung cấp tài liệu, tích cực giúp đỡ Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Châu. Nên hành vi của Quàng Văn T không cấu thành tội che dấu tội phạm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Lò Văn Q, Lò Trung N, Lò Văn T phải nộp tiền án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lò Văn H, Hoàng Văn T, Quàng Văn B là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, cần miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lò Văn H, Hoàng Văn T, Quàng Văn B.

[12] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 17; Điều 58 BLHS; điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, khoản 4 Điều 327 BLTTHS;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn H, Hoàng Văn T, Lò Trung N, Quàng Văn B và Lò Văn T phạm tội Đánh bạc.

1. Về hình phạt:

Xử phạt Lò Văn Q 16 (Mười sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 (Ba mươi hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lò Văn H 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Hoàng Văn T 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Lò Trung N 14 (Mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt Quàng Văn B 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, thời hạn tính từ ngay tuyên án.

Xử phạt Lò Văn T 16 (Mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ , được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 61 (Sáu mươi mốt) ngày = 183 (Một trăm tám mươi ba) ngày cải tạo không giam giữ , còn phải chấp hành tiếp 09 (Chín) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Lò Văn H, Hoàng Văn T cho UBND xã Đ, huyên Y, tỉnh Sơn La giám sát , giáo dục trong thời gian chấp hành thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn T cho UBND xã C, huyên M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Lò Trung N cho UBND xã Hát Lót, huyên Mai Sơn, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời giam chấp hành thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Quàng Văn B cho UBND xã L, huyên T, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời giam chấp hành thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Lò Văn T ngay sau khi tuyên án , nếu như bị cáo không bị tạm giam ở vụ án khác.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lò Văn Q, Lò Văn H, Hoàng Văn T, Lò Trung N, Quàng Văn B và không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lò Văn Thanh.

4. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 18.300.000đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số : AA/2016/0002350 ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu.

- Tịch thu tiêu huỷ : 36 quân bài tú lơ khơ từ quân át (A) đến quân 9;16 quân bài tú lơ khơ từ quân 10 đến K.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La).

5. Về án phí sơ thẩm hình sự:

Các bị cáo Lò Văn Q , Lò Trung N , Lò Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Lò Văn H, Hoàng Văn T, Quàng Văn B được miễn án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Công an huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- THAHS;
- UBND: xã Chiềng Đông; xã Hát Lót; xã Tông Lạnh; xã Chiềng Lương ;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Hường